SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
**TRUNG TÂM Y TẾ TX ĐÔNG TRIỀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1257/TM- TTYT
*"V/v thông báo nhu cầu thẩm định gói mua sắm TTB y tế của TTYT thị xã Đông Triều năm 2023 - lần 2 "*

*Đông Triều,* ngày 02 tháng 08 năm 2023

# THƯ MỜI CHÀO GIÁ

**"Về việc mời tham gia thực hiện tư vấn thẩm định"**

**Kính gửi: Các Công ty/doanh nghiệp quan tâm.**

Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều có nhu cầu thực hiện thẩm định giá trang thiết bị y tế của TTYT thị xã Đông Triều năm 2023 – lần 2 (*Chi tiết phụ lục kèm theo*). Kính mời các Công ty có chức năng thẩm định giá, tham gia thẩm định giá trang thiết bị y tế.

Hồ sơ gồm: Báo giá hoặc biểu phí của Công ty ( Có ký tên, đóng dấu đại diện hợp pháp ) Kèm theo hồ sơ năng lực;

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 02/08/2023 đến hết ngày 07/08/2023.

Văn bản báo giá của công ty đề nghị gửi về:

- Địa chỉ email: hoidongmuasamttytdt@gmail.com, đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp và gửi qua đường công văn về Trung tâm.

- Địa chỉ tiếp nhận: Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều. Khu 5 – Phường Đức Chính – Tx. Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh. (Hội đồng mua sắm, sửa chữa). Điện thoại: 0203.3870.061.

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị công ty liên hệ

1. Ds.Nguyễn Thị Hà - Số điện thoại: 090.6.612.803
2. Ks. Phạm Trung Dũng – Số điện thoại: 036.2.302.999

Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều trân trọng thông báo./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Giám đốc ( để b/c)
- Lưu: VT; HĐMS-SC

**P. GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

**Nguyễn Văn Trường**

# PHỤ LỤC

*(Kèm theo Thư mời số: 1257 /TM-TTYT ngày 02/08/2023 của TTYT Đông Triều)*

## 1. Máy giặt công nghiệp (>=60kg)

Hàng hóa tham khảo
Model: DLS-60 Touch II E
Hãng sản xuất: Domus - Onnera Laundry Barcelona, S.A
Xuất xứ: Tây Ban Nha

| STT | Cấu hình chi tiết |
|---|---|
| **I** | **Yêu cầu chung:** |
| | - Thiết bị mới 100%, sản xuất từ 2023 trở về sau |
| | - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 – 14001:2015 hoặc tương đương |
| | - Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
| 1 | Máy chính và các phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm máy: 01 bộ |
| | - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh: 01 bộ<br>- Sách kỹ thuật, Catalog : 01 bộ |
| 2 | Thông số kỹ thuật |
| | Tải trọng: 60-70 kg |
| | Thể tích: 600 Lit |
| | Đường kính:1048 mm |
| | Độ sâu: 684 mm |
| | Tốc độ giặt/ tốc độ quay: 42.5 r.p.m /505 r.p.m |
| | Lực gia tốc: 150 |
| | Lực truyền dẫn tối đa: 9.12 kN ±15 |
| | Tần số động lực: 6.93 Hz |
| | Độ ồn < 70dB |
| | Phiên bản tự vận hành: có |
| | Xả nước đôi: Tùy chọn |
| | Hệ thống tự cân: Không |
| | Tùy chọn SLUICE :có |
| | - Chiều cao trung tâm cửa / Chiều cao cửa: 900 mm/ 540mm<br>- Đường kính: 560 mm |
| | * Động cơ: 5.5kW<br>- Động cơ điện: 36 kW<br>- Công suất điện tối đa: 38 kW<br>- Hơi nước tối đa và công suất nước nóng: 5.5 kW |

## 2. Bàn kéo nắn cột sống

Hàng hóa tham khảo
Model: Tractizer TC-30S
Hãng sản xuất: Minato medical Science Co ., Ltd;
Xuất xứ: Nhật Bản

| STT | Cấu hình chi tiết |
|---|---|
| I | **Yêu cầu chung:** |
| | - Thiết bị mới 100%, sản xuất từ 2023 trở về sau |
| | - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương |
| | - Nguồn điện sử dụng: AC 220V, 50/60H |
| II | **Yêu cầu cấu hình** |
| 1 | Máy kéo chính : 01 chiếc<br>- Bàn kéo nắn có chiều cao cố định : 01 chiếc<br>- Dây đai vùng cổ: 01 chiếc<br>- Dây đai cho lưng : 01 chiếc<br>- Ghế bệnh nhân ngồi kéo : 01 chiếc<br>- Thiết bị an toàn: 01 chiếc<br>- Gối bệnh nhân: 01 chiếc<br>- Thanh tách kéo cổ bệnh nhân : 01 chiếc |
| | - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh: 01 bộ<br>- Sách kỹ thuật, Catalog : 01 bộ |
| 2 | Thông số kỹ thuật |
| | - Lực kéo cài đặt : 5 ~ 99 Kg<br>- Thời gian kéo chính: 1 ~ 99 giây<br>- Thời gian kéo phụ : 1 ~ 30 giây<br>- Thời gian điều trị : 1 ~ 99 phút/liên tục<br>- Các dạng điều trị : Gián đoạn, liên tục và hỗn hợp<br>- Bàn phím : Phím mềm có màng ngăn chịu nước<br>- Hệ thống chườm nóng : 3 mức có thể lựa chọn các mức khác nhau.<br>(Công nghệ chườm nhiệt: Công nghệ chườm nhiệt AH/BH được trang bị chức năng tự động gia nhiệt )<br>- Kích thước giường kéo : 560 x 2085 x 560 mm<br>- Kích thước máy kéo : 314 x 572 x 872 mm<br>- Khối lượng giường kéo : 38 Kg<br>- Khối lượng máy kéo : 42Kg |

**3. Máy sóng ngắn trị liệu**
Hàng hóa tham khảo
Model: Fysiopuls Automatic
Hãng sản xuất: Fysiomed
Xuất xứ: Bỉ

| STT | Cấu hình chi tiết |
|---|---|
| **I** | **Yêu cầu chung:** |
| | - Thiết bị mới 100%, sản xuất từ 2023 trở về sau |
| | - Tiêu chuẩn chất lượng CE 1639/ISO 9001, ISO: 13485 hoặc tương đương |
| | - Nguồn điện sử dụng: 230 VAC,50/60Hz |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
| **1** | - Máy chính: 01 Chiếc<br>- Điện cực tròn Capacitor phi 130mm : 02 chiếc<br>- Cáp nối dẫn sóng cùng đầu nối: 02 chiếc<br>- Tay đỡ điện cực có khớp :02 Chiếc<br>- Đèn chuyên dụng kiểm tra sóng phát: 01 Chiếc<br>- Cáp nguồn cung cấp: 01 Chiếc<br>- Bánh xe có phanh gắn sẵn vào máy: 04 Chiếc |
| | - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh: 01 bộ<br>- Sách kỹ thuật, Catalog : 01 bộ |
| **2** | **Thông số kỹ thuật** |
| | Kích thước máy: 500x 310 x 870 mm<br>Trọng lượng: 45kg |
| | Điện tiêu thụ: 700W |
| | - Công suất phát sóng ở chế độ xung: 1000W |
| | - Công suất phát sóng ở chế độ liên tục: 400W |
| | - Tần số xung: 100HZ- 300H |
| | - Thời gian điều trị : 30 phút |
| | -Tự động bù trừ tạo công suất phát hiệu quả nhất theo mọi hướng phát của đầu áp.<br>-Bộ điều khiển tạo sóng bằng vi mạch hiện đại<br>- Panel hiển thị đầy đủ các thông số điều trị<br>-Chức năng thông báo cho bác sĩ: Với tín hiệu âm thanh và đèn báo.<br>-Hệ thống vci sử lý test các chức năng máy tự động<br>-Chế độ phát sóng xung và liên tục.<br>- Chế độ phát sóng dạng liên tục với điều trị có nhiệt.<br>-Bộ đặt thời gian điều trị : có đồng hồ điện tử cho phép đặt thời gian điều trị và tự động dừng làm việc; báo bằng âm thanh.<br>-Sử dụng đa dạng điện cực :<br>+ Kiểu điên cực hội tụ điện dung<br>+ Kiểu điện cực cuộn cảm ứng<br>+ Kiểu bản cực tấm cao su mềm<br>+ Kiểu điện cực bản cực phiến ba nhánh<br>-Tay đỡ điện cực xoay đa hướng, đa góc |

**4. Máy phân tích điện giải**

Hàng hóa tham khảo

Model: Auto ISE500

Hãng sản xuất: MTI Diagnostics GmbH

Xuất xứ: Đức

| STT | Cấu hình chi tiết |
|---|---|
| **I** | **Yêu cầu chung:** |
| | - Thiết bị mới 100%, sản xuất từ 2023 trở về sau |
| | - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016 hoặc tương đương |
| | - Nguồn điện: 100V – 240V, tần số 50/60 Hz |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
| **1** | Máy chính: 01 chiếc<br>- Hóa chất và phụ kiện tiêu chuẩn kèm máy: 01 bộ<br>- Khay chuyển mẫu tự động 25 vị trí: 01 chiếc |
| | - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh: 01 bộ<br>- Sách kỹ thuật, Catalog : 01 bộ |
| **2** | Thông số kỹ thuật |
| | - Công suất:<br>+ Đạt 40 xét nghiệm/giờ đối với xét nghiệm TCO2.<br>+ Đạt 65 xét nghiệm/giờ đối với các điện cực Na/K/Cl/Ca/pH.<br>- Lượng mẫu: 65 µl khi sử dụng chế độ chạy mẫu có khay chuyển mẫu tự động. 150 µl khi sử dụng chế độ chạy mẫu thủ công.<br>- Loại mẫu: Máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu.<br>- Khay chuyển mẫu: Khay nhỏ với 25 vị trí đặt bệnh phẩm. Khay to với 40 vị trí đặt bệnh phẩm (Khay mẫu lựa chọn theo nhu cầu người sử dụng)<br>- Đầu kim hút mẫu: Có 02 kim hút mẫu, trong đó 01 kim hút mẫu được gắn sẵn trong máy cho chế độ chạy mẫu thủ công và 01 kim hút mẫu gắn trên khay chuyển mẫu tự động. Kim hút mẫu trên khay chuyển mẫu tự động có chức năng phát hiện mực chất lỏng và cảm biến va chạm.<br>- Màn hình: Màn hình màu cảm ứng TFT với độ rộng 7 inch với độ phân giải 800 x 480 pixel và màn hình có chế độ điều chỉnh sáng, tối.<br>- Đầu đọc barcode: Được gắn sẵn trong máy và quét thông tin bệnh nhân tự động.<br>- Đầu đọc mã hóa chất cho phép quản lý hóa chất trong quá trình sử dụng.<br>- Máy in nhiệt: Được gắn sẵn trong máy với khổ giấy 300mm rộng x 57mm dài với độ phân giải 240 x 128 pixel.<br>- Bộ nhớ: Bộ nhớ trong lưu trữ: 5000 kết quả bệnh nhân, 5000 kết quả QC hoặc giá trị chuẩn, 20.000 bệnh nhân với bộ nhớ mở rộng.<br>- Kết nối: 04 USB cổng chính. 02 RS232 cho quét mã vạch và thông tin. Cổng mạng RJ45 |
| | Kích thước: (rộng x sâu x cao).<br>- Máy chính: 337mm x 192mm x 402mm<br>- Khay chuyển mẫu loại nhỏ: 347mm x 277mm x 451mm<br>- Khay chuyển mẫu loại lớn: 570mm x 425mm x 380mm |
| | Trọng lượng:<br>- Máy chính: 17 Kg.<br>- Khay chuyển mẫu nhỏ: 6.5 Kg.<br>- Khay chuyển mẫu lớn: 10 Kg |
| | Môi trường hoạt động: Nhiệt độ hoạt động: 5°C – 40°C. Độ ẩm < 80% không đọng sương. Áp suất: 86 kPa – 106 kPa. Nhiệt độ trong quá trình chạy máy: 5°C – 40°C. |

**5. Bơm tiêm điện:**
Hàng hóa tham khảo
Model: TE-SS730
Hãng sản xuất: Terumo
Xuất xứ: Nhật Bản

| STT | Cấu hình chi tiết |
|---|---|
| **I** | **Yêu cầu chung** |
| | - Thiết bị mới 100%; Năm sản xuất: 2023 trở về sau |
| | - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương |
| | - Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz |
| | - Môi trường hoạt động:<br>+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30°C;<br>+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80% |
| **II** | **Yêu cầu cấu hình** |
| | Máy chính: 01 chiếc<br>- Dây nguồn: 01 chiếc<br>- Kẹp cọc truyền: 01 chiếc |
| | - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh: 01 bộ<br>- Sách hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa, Catalog : 01 bộ |
| **III** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** |
| **1** | Có màn hình màu ≥ 4 inch hiển thị các thông số |
| **2** | Loại ống tiêm phù hợp: Loại ống tiêm được tiệt trùng theo quy định.<br>- Kích cỡ ống tiêm: 5 mL, 10 mL, 20 mL, 30 mL, 50/60 mL. |
| **3** | Có chế độ liều mL/h; µg/kg/m; mg/kg/h<br>- Độ chính xác: Độ chính xác của máy: ≤ ±1%<br>- Dải cài đặt tốc độ tiêm: 0,01 tới ≥ 1200 mL/h<br>- Dải cài đặt thể tích dịch tiêm (VTBI): 0,1 đến 9999 mL<br>- Cài đặt thời gian tiêm: Từ 1 phút đến ≥ 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút) |
| **4** | - Báo động trong các trường hợp: Tắc đường tiêm truyền, Gần hết dịch, Đuôi piston của bơm tiêm lắp không đúng, Thân của bơm tiêm lắp không đúng, Dịch chuyển bơm tiêm, Ắc quy yếu, Báo động lại, Cảnh báo tắt máy, Cảnh báo hỏng ắc quy, Nhắc ấn phím START, Cảnh báo chưa đặt tốc độ tiêm, Cảnh báo chưa đặt thể tích dịch tiêm (VTBI)*, Cảnh báo tốc độ tiêm lớn hơn thể tích dịch định tiêm*, Cảnh báo hoàn thành thể tích dịch đặt trước* |
| **5** | Các chức năng khác: |
| | - Hiển thị hướng dẫn lắp bơm tiêm trên màn hình LCD. |
| | - Hiển thị nhãn và cỡ bơm tiêm trên màn hình LCD. Chuyển đổi kiểu bơm tiêm |
| | - Hiển thị thể tích dịch đã tiêm: từ 0 đến 9999 mL. |
| | - Điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD ≥ 5 mức |
| | - Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ ≥ 10.000 sự kiện |
| | - Điều chỉnh âm lượng: chuông báo động; âm lượng bàn phím; Thay đổi tốc độ tiêm/ tốc độ liều khi máy đang hoạt động |

| | |
|---|---|
| | - Có âm báo khi tắt nguồn |
| | - Cài đặt: Cài đặt thể tích dịch định tiêm (VTBI); Cài đặt thời gian định tiêm; Chức năng chờ (có thể cài đặt lên tới 24h). Cài đặt thời gian chờ theo yêu cầu; Cài đặt ngày, giờ; Cài đặt giới hạn trên của thể tích Purge/Bolus; Đặt bước cài đặt 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt. Tiêm nhanh (Bolus) bằng cách ấn và giữ phím. Tiêm nhanh (Bolus) không cần ấn và giữ phím; Đặt và báo thời gian bảo trì thiết bị; Xóa thể tích dịch đã tiêm khi máy đang hoạt động |
| | - Nguồn điện DC: Ắc quy loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục 12 tiếng khi mất điện lưới. |
| | Có thêm pin phụ hỗ trợ báo động trong trường hợp hỏng ắc quy và mất điện lưới. |